

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Số: 229/CV-STP

V/v: Công bố BCTC
quý 3 năm 2016 (C.ty mẹ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà
2. Mã chứng khoán: STP
3. Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 04. 33828440/33521290 (máy lẻ 115); Fax: 04. 33822791
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Thúy Quỳnh
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 (Công ty mẹ) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 25 tháng 10 năm 2016, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2016 (Công ty mẹ) so với cùng kỳ năm trước.
 - 6.3. Các tài liệu đính kèm:
 - Báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 (Công ty mẹ).
 - Công văn số 228 CT/TCKT ngày 25/10/2016 về giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2016 (Công ty mẹ) so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà: stp.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TH

Người được ủy quyền CBTT
(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Thúy Quỳnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
QUÝ III NĂM 2016

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán quý III năm 2016- tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	1-3
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	4
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	5
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	6-35



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130,561,414,604	113,971,040,888
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	17,674,954,708	14,772,941,685
1. Tiền	111		1,674,954,708	2,772,941,685
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,000,000,000	12,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		490,278,610	340,844,410
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	592,716,610	425,282,410
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(102,438,000)	(84,438,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83,867,824,167	78,677,705,680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	76,628,276,376	65,820,846,556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55,494,700	42,110,057
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	19,073,028,054	22,243,724,030
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11,888,974,963)	(9,428,974,963)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		28,175,457,656	19,168,223,900
1. Hàng tồn kho	141	V6	28,175,457,656	19,168,223,900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		352,899,463	1,011,325,213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		247,688,617	275,369,840
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			263,735,274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7	105,210,846	472,220,099
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35,028,837,380	46,252,855,767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9		
II. Tài sản cố định	220	V10	15,825,276,275	20,267,558,059
1. Tài sản cố định hữu hình	221		15,825,276,275	20,267,558,059
- Nguyên giá	222		53,059,449,074	54,661,864,065

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,234,172,799)	(34,394,306,006)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V12	18,321,793,728	24,451,144,741
1. Đầu tư vào công ty con	251		29,537,033,203	29,537,033,203
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6,801,486,640	10,041,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18,016,726,115)	(15,127,375,102)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V13	881,767,377	1,534,152,967
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		881,767,377	1,534,152,967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		165,590,251,984	160,223,896,655
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17,856,043,488	19,044,836,317
I. Nợ ngắn hạn	310		17,856,043,488	19,044,836,317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	8,350,325,008	7,113,780,896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,137,988,624	694,546,792
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2,067,798,853	30,504,816
4. Phải trả người lao động	314		2,574,307,646	1,680,651,172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	185,866,735	301,877,294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17	3,463,383,000	9,110,301,725
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76,373,622	113,173,622
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V18	147,734,208,496	141,179,060,338
I. Vốn chủ sở hữu	410		147,734,208,496	141,179,060,338
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70,000,000,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42,261,553,850	42,261,553,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308,195,830)	(308,195,830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29,794,582,914	29,794,582,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,986,267,562	(568,880,596)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(568,880,596)	(568,880,596)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,555,148,158	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165,590,251,984	160,223,896,655

Lập biểu

Cheng

Kế toán trưởng

Ulla

Hà Nội ngày 25 tháng 10 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Trãi

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ III

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III năm nay	Quý III năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	73,057,480,507	51,077,752,023	216,571,237,124	161,544,464,116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32,315,000	5,998,073	71,898,600	612,138,720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		73,025,165,507	51,071,753,950	216,499,338,524	160,932,325,396
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	65,411,758,042	45,471,071,748	190,229,261,342	142,619,677,310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7,613,407,465	5,600,682,202	26,270,077,182	18,312,648,086
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	118,016,298	165,543,021	362,265,776	810,654,215
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	12,501,756	546,470,999	3,156,427,229	2,096,213,448
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,240,923	121,818,715	117,935,498	321,746,382
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,227,647,066	976,110,774	4,065,956,997	2,940,635,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	2,710,871,716	2,280,224,382	11,014,591,340	10,920,830,745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		3,780,403,225	1,963,419,068	8,395,367,392	3,165,623,108
12. Thu nhập khác	31	V1.7	60,610,054	99,756,843	564,997,880	833,204,946
13. Chi phí khác	32	V1.8	285,994,057	1,036,233,188	428,762,142	1,087,863,133
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(225,384,003)	(936,476,345)	136,235,738	(254,658,187)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,555,019,222	1,026,942,723	8,531,603,130	2,910,964,921
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		752,318,201	-	1,976,454,972	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2,802,701,021	1,026,942,723	6,555,148,158	2,910,964,921
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Lập biểu

Kế toán trưởng




4

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Trãi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Lũy kế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2016	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		218,756,843,698	150,925,751,685
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(188,983,288,218)	(148,032,535,924)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13,924,288,487)	(9,096,827,635)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(117,935,498)	(320,486,773)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9,018,567,527	9,845,204,672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20,190,668,186)	(19,541,510,450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4,559,230,836	(16,220,404,425)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(114,620,468)	(12,094,277,738)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		541,529,703	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3,240,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		230,164,631	615,021,303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,897,073,866	(11,539,256,435)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		55,555,651,739	53,625,705,240
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(61,109,943,418)	(53,304,305,056)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5,554,291,679)	321,400,184
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2,902,013,023	(27,438,260,676)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14,772,941,685	30,074,295,245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17,674,954,708	2,636,034,569

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 25 tháng 10 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bia; Kinh doanh vật tư, vận tải,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Xóm Bằng Gà, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	75,36%	75,36%	75,36%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính của kỳ này so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 194 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 189 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính kỳ này

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vỏ bao sản xuất. Do đó giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kỳ này.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	39,490,520	58,533,347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,635,464,188	2,714,408,338
Các khoản tương đương tiền	16,000,000,000	12,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	16,000,000,000	12,000,000,000
Cộng	17,674,954,708	14,772,941,685

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty CP Licogi 16 (Mã: LCG)	592,716,610	490,278,610	(102,438,000)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)
Công ty Cung ứng và DV kỹ thuật hàng hải (Mã: MAC)	154,438,000	52,000,000	(102,438,000)	154,438,000	70,000,000	(84,438,000)
Cộng	592,716,610	490,278,610	(102,438,000)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Số đầu kỳ	(102,438,000)	(74,438,000)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Tăng do chuyển từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(102,438,000)	(74,438,000)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sông Tùng ⁽¹⁾	29,537,033,203	(13,241,726,115)	16,295,307,088	29,537,033,203	(10,352,375,102)	19,184,658,101
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6,801,486,640	(4,775,000,000)	2,026,486,640	10,041,486,640	(4,775,000,000)	5,266,486,640

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	2,775,000,000	(2,775,000,000)	-	2,775,000,000	(2,775,000,000)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội	2,000,000,000	(2,000,000,000)	-	2,000,000,000	(2,000,000,000)	-
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	2,026,486,640		2,026,486,640	5,266,486,640		5,266,486,640
Cộng	36,338,519,843	(18,016,726,115)	18,321,793,728	39,578,519,843	(15,127,375,102)	24,451,144,741

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 6 năm 2016), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28,200,000,000 đồng, tương đương 75% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29,537,033,203 đồng. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2016, Công ty đã đầu tư 29,537,033,203 đồng, tương đương 75,40% vốn điều lệ thực góp của Công ty con.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Ngày 27 tháng 11 năm 2013 HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết số 480/NQ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 01/12/2013 đến 31/3/2014 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 06 tháng 12 năm 2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ 07/12/2013 đến 07/12/2014.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014 HĐQT Công ty ban hành nghị quyết số 475/NĐ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 8/12/2014 đến ngày 08/12/2015 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ ngày 12/12/2014 đến ngày 8/12/2015.

Thực hiện nghị quyết số 399/ NQ-HĐQT Ngày 20 tháng 7 năm 2015 của HĐQT Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà về việc đăng ký hoạt động trở lại đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (Công ty con). Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng đã đăng ký hoạt động trở lại từ 29 tháng 7 năm 2015.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Số đầu kỳ	(18,016,726,115)	(13,370,433,420)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(18,016,726,115)	(13,370,433,420)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con*

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (gọi tắt là Sơn Tùng) như sau:

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Cho Sơn Tùng mượn tiền		
Sơn Tùng trả nợ		879,152,373

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>37,765,001,536</i>	<i>32,244,283,681</i>
Công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội HP	37,765,001,536	32,244,283,681
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>38,863,274,840</i>	<i>33,576,562,875</i>
Công ty TNHH Dương Hồng	10,428,581,129	10,788,581,129
Các khách hàng khác	28,434,693,711	22,787,981,746
Cộng	<u>76,628,276,376</u>	<u>65,820,846,556</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH kỹ thuật Đăng Hưng		42,110,057
Các khách hàng khác	55,494,700	
Cộng	<u>55,494,700</u>	<u>42,110,057</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2,097,435,144</i>	<i>(599,974,963)</i>	<i>2,097,435,144</i>	<i>(599,974,963)</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	2,097,435,144	(599,974,963)	2,097,435,144	(599,974,963)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16,975,592,910</i>	<i>(11,289,000,000)</i>	<i>20,146,288,886</i>	<i>(8,829,000,000)</i>
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	15,590,000,000	(11,187,000,000)	18,090,000,000	(8,727,000,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,385,592,910	(102,000,000)	2,056,288,886	(102,000,000)
Cộng	<u>19,073,028,054</u>	<u>(11,888,974,963)</u>	<u>22,243,724,030</u>	<u>(9,428,974,963)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì toàn bộ số tiền bên B đã góp để bên A triển khai dự án được chuyển thành công nợ bên A phải thanh toán trả bên B do dự án không thực hiện được theo tiến độ đã thỏa thuận. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2016, bên A còn nợ bên B số tiền là 15,590,000.000 đồng.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
Phải thu tiền cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng vay	2,097,435,144	1,497,460,181	2,097,435,144	1,497,460,181
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu tiền góp vốn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	15,692,000,000	4,403,000,000	18,192,000,000	9,363,000,000
Phải thu tiền cho Công ty TNHH SX Thương mại VTKS Xuân Minh vay	15,590,000,000	4,403,000,000	18,090,000,000	9,363,000,000
	102,000,000		102,000,000	
Cộng	17,789,435,144	5,900,460,181	20,289,435,144	10,860,460,181

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Số đầu kỳ	(11,888,974,963)	(9,978,974,963)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(11,888,974,963)	(9,978,974,963)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			227,394,482	
Nguyên liệu, vật liệu	18,609,237,074		12,768,662,206	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**Công cụ, dụng cụ**

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

7,048,798,877

4,764,401,856

Thành phẩm

2,517,421,705

1,407,765,356

Cộng**28,175,457,656****19,168,223,900**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Số đầu kỳ		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	-	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	11,719,685	12,296,232
Công cụ dụng cụ	235,968,932	263,073,608
Cộng	247,688,617	275,369,840

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	214,544,636	514,162,856
Chi phí sửa chữa tài sản	600,408,227	940,889,690
Các chi phí trả trước dài hạn khác	66,814,514	79,100,421
Cộng	881,767,377	1,534,152,967

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8,587,518,537	43,839,883,722	1,982,759,307	251,702,499	54,661,864,065
Tăng trong kỳ					
Giảm trong kỳ		(1,602,414,991)			(1,602,414,991)
Số cuối kỳ	8,587,518,537	42,237,468,731	1,982,759,307	251,702,499	53,059,449,074
<i>Trong đó:</i>					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5,829,130,677	19,780,672,498	607,704,762	122,263.636	26,339,771,573
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6,799,797,780	26,371,671,284	1,066,056,282	156,780,660	34,394,306,006
Tăng do khấu hao trong kỳ	143,131,014	3,252,108,281	206,258,184	19,415,826	3,620,913,305
Giảm do giảm TSCĐ trong kỳ		(781,046,512)			(781,046,512)
Số cuối kỳ	6,942,928,794	28,842,733,053	1,272,314,466	176,196,486	37,234,172,799
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,787,720,757	17,468,212,438	916,703,025	94,921,839	20,267,558,059
Số cuối kỳ	1,644,589,743	13,394,735,678	710,444,841	75,506,013	15,825,276,275

Một số tài sản cố định hữu hình gắn liền gắn liền trên diện tích 9,548.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng có giá trị còn lại theo sổ sách đến 30 tháng 9 năm 2016 là 1,644,589,743 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Đầu tư Mua sắm					
Xây dựng cơ bản					
Sửa chữa lớn TSCĐ					
Cộng					

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	35,981,000	-
Công ty CP đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	35,981,000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	8,314,344,008	7,113,780,896
Công ty CP TM & DV Lâm Anh	4,883,370,331	1,545,333,598

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

HUYNDAI		1,533,621,600
Công ty TNHH SX & TM VICO		826,692,701
Cty CP nhựa Châu Âu	865,150,000	
Các nhà cung cấp khác	2,565,823,677	3,208,132,997
Cộng	8,350,325,008	7,113,780,896

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1,137,988,624</i>	<i>694,546,792</i>
Thunderdragon Foods and Agricultural products Imports & Exports Corporation(NIKO)		244,022,291
DSG Holdings Australia Pty L.td		332,342,616
Các khách hàng khác	1,137,988,624	118,181,885
Cộng	1,137,988,624	694,546,792

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp NS	Phải thu NS	Số phải nộp NS	Số đã nộp NS	Tăng (+), Giảm (-) khác ^(*)	Phải nộp NS	Phải thu NS
Thuế GTGT hàng bán nội địa			1,958,663,127	(1,368,309,904)		590,353,223	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			7,704,121,433	(7,704,121,433)		-	
Thuế xuất, nhập khẩu			175,101,211	(175,101,211)		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		472,220,099	1,735,703,684	(26,789,243)	240,751,288	1,477,445,630	
Thuế thu nhập cá nhân	30,504,816		49,807,726	(62,215,893)	(123,307,495)	(105,210,846)	
Tiền thuê đất			166,420,500	(166,420,500)		-	
Các loại thuế khác			3,000,000	(3,000,000)		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			48,261,410	(48,261,410)		-	
Cộng	30,504,816	472,220,099	11,867,868,334	(9,554,219,594)	90,654,550	1,962,588,007	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**(*) Trong đó:**

Tăng 240,751,288 đồng là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp tăng
Giảm 123,307,495 đồng là khoản thuế thu nhập cá nhân của các năm trước đã tạm nộp quá số quyết toán

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,555,019,222	1,026,942,723
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	72,625,566	1,036,233,188
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	24,000,000
Chi phí xử lý vi phạm về thuế	36,625,566	
Chi phí phạt vi phạm hành chính		-
Chi phí khai thác mỏ đá		-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ		
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ		1,012,233,188
Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tiền phạt thuế được miễn		
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối năm trước		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ		
Thu nhập chịu thuế	3,627,644,788	2,063,175,911
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Thu nhập tính thuế	3,627,644,788	2,063,175,911
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>725,528,958</i>	
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	725,528,958	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</i>	<i>26,789,243</i>	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	752,318,201	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính kỳ này có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>185,866,735</i>	<i>301,877,294</i>
Cổ tức phải trả cổ đông chưa lưu ký		48,203,555
Kinh phí công đoàn	30,584,737	63,901,016
BHXH, BHYT, BHTN		142,611,265
Phải trả phải nộp khác	155,281,998	47,161,458
Cộng	185,866,735	301,877,294

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

- (i) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 35/2016/HĐTDHM/NHCT320-STP ngày 22 tháng 06 năm 2016 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30,000,000,000 đồng. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo là thế chấp các tài sản sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên diện tích 9,548.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng của Công ty được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CN HTY-STP ngày 21/01/2016 và các biên bản định giá tài sản đảm bảo kèm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị định giá : 1,837,000,000 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Số đầu kỳ		21,756,179,143
Số tiền vay phát sinh	12,373,876,445	12,552,870,442
Tăng do chênh lệch tỷ giá thực hiện		
Số tiền vay đã trả	(8,904,043,324)	(27,033,592,231)
Giảm do chênh lệch tỷ giá thực hiện	(6,450,121)	
Số cuối kỳ	<u>3,463,383,000</u>	<u>7,275,457,354</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	113,173,622	(36,800,000)	76,373,622
Quỹ phúc lợi	-		-
Cộng	<u>113,173,622</u>	<u>(36,800,000)</u>	<u>76,373,622</u>

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	54,102,373,080	(12,149,015,060)	29,794,582,914	(6,453,424,913)	135,294,516,021
Lợi nhuận chưa phân phối cùng kỳ năm trước					2,910,964,921	2,910,964,921
Số dư cuối cùng kỳ năm trước	<u>70,000,000,000</u>	<u>54,102,373,080</u>	<u>(12,149,015,060)</u>	<u>29,794,582,914</u>	<u>(3,542,459,992)</u>	<u>138,205,480,942</u>
Số dư đầu năm nay	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	(568,880,596)	141,179,060,338
Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ này					6,555,148,158	6,555,148,158
Số dư cuối kỳ	<u>70,000,000,000</u>	<u>42,261,553,850</u>	<u>(308,195,830)</u>	<u>29,794,582,914</u>	<u>5,986,267,562</u>	<u>147,734,208,496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**17b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	70,000,000,000	70,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	42,261,553,850	42,261,553,850
Cổ phiếu quỹ	(308,195,830)	(308,195,830)
Cộng	<u>111,953,358,020</u>	<u>111,953,358,020</u>

1c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7,000,000	7,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	7,000,000	7,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23,681	23,681
- Cổ phiếu phổ thông	23,681	23,681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,976,319	6,976,319
- Cổ phiếu phổ thông	6,976,319	6,976,319
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Là ngoại tệ Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	17,207.36	1,644.73

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	30,588,959,297	15,394,423,378
Doanh thu bán thành phẩm	42,468,521,210	35,683,328,645
Cộng	<u>73,057,480,507</u>	<u>51,077,752,023</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty con như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
<i>Công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội HP</i>		
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	14,221,921,133	9,433,925,855
Thuế GTGT	1,422,192,113	943,392,585

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	32,315,000	5,998,073
Cộng	32,315,000	5,998,073

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	29,905,548,141	15,100,664,508
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	35,506,209,901	30,370,407,240
Cộng	65,411,758,042	45,471,071,748

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Lãi tiền gửi	102,446,698	109,708,761
Lãi chênh lệch tỷ giá	15,569,600	55,834,260
Cộng	118,016,298	165,543,021

5. Chi phí tài chính

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Chi phí lãi vay	12,240,923	121,818,715
Chi phí, Lỗ về kinh doanh chứng khoán	55,733	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	205,100	424,652,284
Cộng	12,501,756	546,470,999

6. Chi phí bán hàng

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Chi phí nhân viên	100,000,000	40,000,000
Chi phí vận chuyển, dịch vụ và bằng tiền khác	1,127,647,066	936,110,774
Cộng	1,227,647,066	976,110,774

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1,764,891,720	1,366,712,280
Chi phí vật liệu quản lý	76,789,062	58,414,863
Chi phí đồ dùng văn phòng	24,388,090	186,621,262
Chi phí khấu hao TSCĐ	88,911,069	93,267,129
Thuế, phí và lệ phí	64,098,095	82,429,669
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264,371,724	324,255,160
Chi phí bằng tiền khác	427,421,956	168,524,019
Cộng	<u>2,710,871,716</u>	<u>2,280,224,382</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Thu bán phế liệu, thanh lý tài sản cố định		84,100,000
Thu nhập khác	60,610,054	15,656,843
Cộng	<u>60,610,054</u>	<u>99,756,843</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ bán thanh lý	213,368,491	
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	24,000,000
Các khoản nộp phạt hành chính, phạt chậm nộp	36,625,566	
Chi khác		1,012,233,188
Cộng	<u>285,994,057</u>	<u>1,036,233,188</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Tiền lương	270,813,046	283,922,420
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	48,000,000	87,000,000
Cộng	318,813,046	370,922,420

1b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	Công ty do Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP	Công ty do Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

Giao dịch phát sinh phải thu

	<u>Quý 3 năm 2016</u>	<u>Quý 3 năm 2015</u>
Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP		
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	14,221,921,133	9,433,925,855
Thuế GTGT	1,422,192,113	943,392,585
Thanh toán tiền hàng	10,600,000,000	4,300,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**Giao dịch phát sinh phải trả**

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Vận tải Hà Nội		
Tiền cước vận chuyển	95,860,000	491,475,000
Thuế GTGT	9,586,000	49,147,500
Thanh toán tiền hàng	149,912,500	645,446,500

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh kỳ này của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Quý 3 năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	42,436,206,210	30,588,959,297	73,025,165,507
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,436,206,210	30,588,959,297	73,025,165,507
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			7,613,407,465
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3,938,518,782)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3,674,888,683
Doanh thu hoạt động tài chính			118,016,298
Chi phí tài chính			(12,501,756)
Thu nhập khác			60,610,054
Chi phí khác			(285,994,057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(752,318,201)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2,802,701,021
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			22,717,273

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			<i>1,546,145,274</i>
Quý 3 năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35,677,330,572	15,394,423,378	51,071,753,950
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>35,677,330,572</i>	<i>15,394,423,378</i>	<i>51,071,753,950</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			5,600,682,202
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3,256,335,156)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2,344,347,046
Doanh thu hoạt động tài chính			165,543,021
Chi phí tài chính			(546,470,999)
Thu nhập khác			99,756,843
Chi phí khác			(1,036,233,188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<i>1,026,942,723</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			<i>5,934,369,635</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			<i>1,388,100,241</i>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và khu vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015
Khu vực Hà Nội	24,740,110,508	15,185,746,036
Khu vực Hải Phòng	10,674,529,091	6,879,572,727
Khu vực Yên Bái	9,095,182,436	10,070,013,637
Khu vực Hải Dương	1,018,673,227	1,394,139,773
Khu vực Sơn la, Hòa Bình	14,587,080,000	8,532,431,818
Khu vực khác	12,909,590,245	9,009,849,959
Cộng	73,025,165,507	51,071,753,950

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro phải thu khách hàng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,674,954,708				17,674,954,708
Chứng khoán kinh doanh	438,278,610			154,438,000	592,716,610
Phải thu khách hàng	76,628,276,376				76,628,276,376
Các khoản phải thu khác	1,109,906,336			17,789,435,144	18,899,341,480
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2,026,486,640			4,775,000,000	6,801,486,640
Cộng	97,877,902,670	-	-	22,718,873,144	120,596,775,814

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)**Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	14,772,941,685		14,772,941,685
Chứng khoán kinh doanh	270,844,410	154,438,000	425,282,410
Phải thu khách hàng	65,820,846,556		65,820,846,556
Các khoản phải thu khác	1,016,263,977	21,135,643,731	22,151,907,708
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5,266,486,640	4,775,000,000	10,041,486,640
Cộng	87,147,383,268	26,065,081,731	113,212,464,999

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	3,463,383,000			3,463,383,000
Phải trả người bán	8,350,325,008			8,350,325,008
Các khoản phải trả khác				-
Cộng	11,813,708,008	-	-	11,813,708,008
Số đầu năm				
Vay và nợ	9,110,301,725			9,110,301,725
Phải trả người bán	7,113,780,896			7,113,780,896
Các khoản phải trả khác	48,203,555			48,203,555
Cộng	16,272,286,176	-	-	16,272,286,176

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,207.36	1,644.73
Phải thu khách hàng		30,505.29
Vay và nợ	(155,100.00)	(404,183.75)
Phải trả người bán		(84,410.42)
Người mua trả tiền trước	(29,222.32)	
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(167,114.96)	(456,444.15)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	16,000,000,000		12,000,000,000	
Vay và nợ		(155,100.00)		(404,183.75)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	17,674,954,708	(155,100.00)	12,000,000,000	(404,183.75)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản tài chính để vay Ngân hàng và các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,674,954,708		14,772,941,685	
Chứng khoán kinh doanh	592,716,610	(102,438,000)	425,282,410	(84,438,000)
Phải thu khách hàng	76,628,276,376		65,820,846,556	
Các khoản phải thu khác	18,899,341,480	(11,888,974,963)	22,151,907,708	(9,428,974,963)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6,801,486,640	(4,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)
Cộng	120,596,775,814	(16,766,412,963)	113,212,464,999	(14,288,412,963)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	3,463,383,000		9,110,301,725	
Phải trả người bán	8,350,325,008		7,113,780,896	
Các khoản phải trả khác			48,203,555	
Cộng	11,813,708,008	-	16,272,286,176	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 3 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh



Nguyễn Trọng Trãi